

Số: /TTr-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi thực hiện các nhiệm vụ Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa (Chương trình 1322) giai đoạn 2021-2030 “*Mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình 1322 quy định tại Thông tư này là các mức tối đa...Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đối với các nhiệm vụ của Chương trình 1322 do địa phương thực hiện) quyết định cụ thể các mức chi đảm bảo phù hợp.*”

UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức chi thực hiện các nhiệm vụ Chương trình 1322, giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030;

2. Sự cần thiết ban hành

a) Đánh giá việc thực hiện, tổ chức triển khai Chương trình 1322

Chương trình 1322 là Chương trình tiếp nối Chương trình 712 (Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”). Sau 10 năm triển khai đồng hành cùng doanh nghiệp, giai đoạn 2010-2020, tỉnh Đồng Nai đã bám sát mục tiêu và đã hỗ trợ cho khoảng 620 doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, nâng cao năng suất chất lượng thông qua các giải pháp công cụ cải tiến năng suất, áp dụng các hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quản lý; bảo hộ sở hữu trí tuệ và đổi mới, chuyển giao công nghệ với tổng kinh phí khoảng 14,42 tỷ đồng.

Vẫn với mục tiêu tạo dựng và nâng cao năng suất chất lượng trong phạm vi toàn tỉnh thông qua việc áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất chất lượng; phát triển nguồn lực cần thiết để nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Chương trình 1322 sẽ tiếp tục kế thừa và nâng cao nhận thức, kiến thức về năng suất chất lượng ở các cấp, các ngành, doanh nghiệp và có mở rộng việc đào tạo kiến thức về tiêu chuẩn hóa, năng suất chất lượng cho sinh viên, giảng viên một số trường đại học, cao đẳng trong phạm vi toàn tỉnh trong giai đoạn 2021-2025 và đến năm 2030; qua đó, góp phần tạo bước chuyển biến về năng suất chất lượng của các sản phẩm, hàng hóa chủ lực, khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp để đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Trong đó, Nhà nước hỗ trợ cho việc nâng cao năng suất và chất lượng, doanh nghiệp đóng vai trò chủ yếu trong việc nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

b) Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Ngày 19/5/2021, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 35/2021/TT-BTC quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình 1322 giai đoạn 2021-2030 (***có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/7/2021***). Theo đó, tại Khoản 1 Điều 11 Thông tư có nêu: “Mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình 1322 quy định tại Thông tư này là các mức tối đa ...*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đối với các nhiệm vụ của Chương trình 1322 do địa phương thực hiện) quyết định cụ thể các mức chi đảm bảo phù hợp.*”

Đồng thời, theo quy định tại Khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định: Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.*”

Từ các quy định nêu trên, để bảo đảm các hoạt động tổ chức, triển khai việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán thực hiện các nhiệm vụ theo Chương trình 1322 trên địa bàn tỉnh phù hợp theo quy định pháp luật thì việc xây dựng “***Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai***” là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Quy định cụ thể, chi tiết các nội dung chi và mức chi thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nhằm thực thi văn bản pháp luật do cấp trên giao để áp dụng tại địa phương đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

Việc quy định nội dung chi, mức chi cho việc thực hiện các nhiệm vụ Chương trình 1322 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai phải phù hợp với quy định của pháp luật và khả năng ngân sách của địa phương trên cơ sở lồng ghép các Chương trình, Kế hoạch, Đề án của quốc gia và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà trên tinh thần không trùng lặp với các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/05/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số

điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), UBND tỉnh đã thực hiện trình tự, thủ tục ban hành Nghị quyết cụ thể như sau:

1. Thực hiện thủ tục đề nghị xây dựng Nghị quyết:

Sau khi nhận Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030, UBND tỉnh có Văn bản số 5709/UBND-KTNS ngày 26/5/2021 giao Sở Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện Thông tư này. Đến ngày 13/7/2021, UBND tỉnh có Tờ trình số 7982/TTr-UBND gửi Thường trực HĐND tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Ngày 26/7/2021, Thường trực HĐND tỉnh có Văn bản số 415/HĐND-VP về việc cho ý kiến đối với đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ Chương trình 1322 thống nhất chủ trương xây dựng Nghị quyết theo đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 7982/TTr-UBND, trong đó lưu ý việc xây dựng kế hoạch 5 năm, hằng năm thực hiện Chương trình do địa phương thực hiện để làm cơ sở xây dựng Nghị quyết HĐND tỉnh xem xét, quyết định. Theo đó, ngày 28/7/2021, UBND tỉnh có Văn bản số 8876/UBND-KTNS về việc triển khai ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 415/HĐND-VP ngày 26/7/2021.

Để làm cơ sở trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định và thông qua Nghị quyết, ngày/9/2021, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số/KH-UBND thực hiện Chương trình 1322 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2025 (Sở Khoa học và Công nghệ đã có Tờ trình số 50/TTr-SKHCN ngày 13/8/2021).

2. Tổ chức lấy ý kiến về dự thảo Nghị quyết:

Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ trì tham mưu soạn thảo dự thảo Nghị quyết, do đó ngày/8/2021, Sở Khoa học và Công nghệ có Văn bản số/SKHCN-TĐC gửi các Sở, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh về việc góp ý dự thảo Nghị quyết và Văn bản/SKHCN-TĐC gửi Văn phòng UBND tỉnh về việc phối hợp đăng tải dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh từ ngày/8/2021 đến ngày/9/2021 (đảm bảo ít nhất 30 ngày) để các tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

Sau thời gian tổ chức lấy ý kiến của các Sở, cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa và các ý kiến qua việc

đăng tải trang thông tin điện tử của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo và tổng hợp các thành phần hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định.

3. Thực hiện thủ tục thẩm định dự thảo Nghị quyết và tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết:

Ngày/10/2021, Sở Tư pháp có Báo cáo số /BC-STP về việc báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức chi thực hiện các nhiệm vụ Chương trình 1322 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2030. Ngày..../10/2021, Sở Khoa học và Công nghệ đã có Báo cáo số /BC-SKHCN về việc giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định và đã tổng hợp hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết. Vì vậy theo quy trình, dự thảo Nghị quyết đã đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục của dự thảo Nghị quyết: Dự thảo Nghị quyết gồm 6 Điều được bố cục như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí

Điều 4. Nội dung và mức chi thực hiện các nhiệm vụ

Điều 5. Kinh phí thực hiện

Điều 6. Hội đồng nhân dân giao (Tổ chức thực hiện)

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định mức chi cho các hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia thực hiện Chương trình 1322 giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết áp dụng cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ Chương trình 1322 và không áp dụng đối với các tổ chức, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí

1. Việc hỗ trợ phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, đúng mục đích, không trùng lặp.
2. Trong trường hợp nội dung, đối tượng hỗ trợ đã có ở cơ chế, chính sách khác áp dụng trên địa bàn tỉnh thì các đối tượng tham gia Chương trình 1322 được lựa chọn các hình thức hỗ trợ phù hợp.
3. Áp dụng phương thức hỗ trợ một lần trong quá trình hoạt động của các đối tượng tham gia.

Điều 4. Nội dung và mức chi thực hiện các nhiệm vụ

1. Thực hiện công tác thông tin, truyền thông về năng suất chất lượng
 - a) Chi hoạt động xuất bản phẩm dưới hình thức các tác phẩm báo chí, xuất bản (chương trình, chuyên mục, tiểu phẩm, ký sự, bài viết);
 - b) Chi hoạt động xuất bản phẩm dưới hình thức các tác phẩm văn học nghệ thuật (tranh, pa-nô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, băng điện tử);
 - c) Chi hoạt động xuất bản phẩm dưới hình thức các chương trình truyền hình, chương trình phát thanh;
 - d) Chi hoạt động việc tạo lập, duy trì, khai thác phát triển cơ sở dữ liệu đề nâng cao năng suất chất lượng phục vụ doanh nghiệp;
 - đ) Các nội dung chi khác (in, phát hành đối với báo chí in, xuất bản phẩm).
 - e) Đối với hoạt động chi cho hoạt động tổ chức hội nghị
2. Thực hiện công tác tăng cường năng lực hoạt động tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật
 - a) Chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương phục vụ trực tiếp cho hoạt động nâng cao năng suất chất lượng, thiết lập nền tảng tiêu chuẩn hóa cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh
 - b) Chi hỗ trợ nâng cao năng lực tổ chức chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật
 - c) Chi hỗ trợ tăng cường năng lực thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa
3. Thực hiện công tác quản lý, hoạt động chung Chương trình 1322
 - a) Chi cho hoạt động xác định/chuyển chọn nhiệm vụ, kiểm tra/đánh giá kết quả thực hiện, tổ chức các cuộc họp định kỳ/đột xuất hoặc tổ chức hội thảo khoa học kể cả các mức chi văn phòng phẩm/dịch vụ công cộng, thi đua khen thưởng phục vụ cho theo yêu cầu quản lý và thực hiện các nhiệm vụ chung của Chương trình 1322.

b) Chi để tổ chức hội nghị, công tác phí

4. Thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất/dịch vụ thông minh: Chi hỗ trợ cho các doanh nghiệp tham gia Chương trình 1322 dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ

5. Các nhiệm vụ chi khác phục vụ công tác tổ chức, triển khai để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình 1322 trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị và địa phương theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước hàng năm.

2. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

Điều 6. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Thực hiện Khoản 1 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật “...*Văn bản quy định chi tiết chỉ được quy định nội dung được giao và không được quy định lặp lại nội dung của văn bản được quy định chi tiết.*”. Do đó, Ủy ban nhân dân không quy định trong dự thảo và khi thực tiễn có phát sinh sẽ thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 Thông tư số 35/2021/TT-BTC và các quy định hiện hành có liên quan. Cụ thể:

1. Về quy định mức chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ Chương trình 1322

- Chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng chương trình truyền hình, chương trình phát thanh: Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình và Thông tư số 09/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Bộ Thông

tin và truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh.

- Chi việc tạo lập, duy trì và khai thác phát triển cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật, thực hành tốt về năng suất để phục vụ doanh nghiệp và xây dựng cơ sở dữ liệu liên quan khác: Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

- Chi hỗ trợ nâng cao năng lực tổ chức chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để được công nhận, thừa nhận ở khu vực và quốc tế: Áp dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chi tư vấn xác định nhiệm vụ, tuyển chọn các nhiệm vụ; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện dự án, nhiệm vụ; tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất; tổ chức hội thảo khoa học: Áp dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và quy định khác có liên quan.

- Chi các nhiệm vụ nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế chính sách, các giải pháp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thúc đẩy năng suất ở địa phương; các nhiệm vụ nghiên cứu, triển khai ứng dụng các giải pháp năng suất xanh và phát triển cộng đồng: Áp dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và quy định khác có liên quan.

- Chi cho công tác thi đua, khen thưởng: Áp dụng theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

- Chi hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; hệ thống quản lý; công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh: Áp dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh đã cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định khác có liên quan.

2. Về dự toán, tạm ứng, thanh toán và quyết toán kinh phí

- Đối với các hoạt động tổ chức triển khai phục vụ cho công tác phổ biến, truyền truyền; tham gia đào tạo bồi dưỡng và triển khai các nhiệm vụ quản lý, hoạt động chung thực hiện Chương trình 1322: Sở Khoa học và Công nghệ sẽ chủ trì xây dựng dự toán, thanh toán và quyết toán theo tình hình, điều kiện, yêu cầu quản lý thực tế hàng năm theo Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành khác có liên quan.

- Đối với các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng nâng cao năng lực đánh giá sự phù hợp và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh: Sở Khoa học và Công nghệ sẽ chủ trì xây dựng dự toán, thanh toán và quyết toán dựa theo hợp đồng, thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định mức chi thực hiện các nhiệm vụ Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, UBND tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

Hồ sơ xin gửi kèm theo gồm:

(1) Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi thực hiện các nhiệm vụ Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030

(2) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số /BC-STP ngày /10/2021 và Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của cơ quan tham mưu soạn thảo tại Báo cáo số /BC-SKHCHN ngày /10/2021.

(3) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đối dự thảo Nghị quyết;

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Sở Tài chính; Sở Tư pháp;
- Các Sở: Công Thương; NN&PTNT;
Xây dựng, GTVT; VHNT&DL; Y tế;
TT&TT; GD&ĐT; LĐTB&XH.
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH